

Bản án số: 48/2021/HSST
Ngày 15/9/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HÓA, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Văn Giang.

Các hội thẩm nhân dân 1/ Bà Tô Thị Ninh;

2/ Bà Trần Thị Hồng Thúy.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thành Huế - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Ông Trần Vũ Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2021/HSST ngày 25/8/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2021/QĐXXST-HS ngày 01/9/2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nịnh Thị L** (Không có tên gọi khác), sinh ngày 14/11/1980.

Nơi ĐKKTTT và nơi ở hiện nay: Xóm Ch 1, xã BN, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Lớp 7/12; Dân tộc: San chí;

Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Nịnh Thanh T, sinh năm 1952 và bà Trần Thị Ch, sinh năm 1950.

Gia đình bị cáo có 05 (năm) anh, chị em, bị cáo là con thứ 03 (ba).

Có chồng là Trần Nguyên D, sinh năm 1982.

Có 02 con: Con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Có mặt tại phiên toà).

Người bị hại: Bà Trần Thị T, sinh năm 1965

Địa chỉ: Xóm Ch 1, xã BN, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa).

Người làm chứng:

1. Ông Mai Tất B, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Xóm TT, xã BN huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 04/4/2021, Ninh Thị L đi bộ đến nhà bà Trần Thị T để chơi. Khi đến nơi thấy cửa nhà bà T không khóa, không có ai ở nhà. Lúc này L nhớ lại việc ngày 19/3/2021, L đưa bà T đi rút tiền tại thị trấn Chợ Chu, huyện Đ nên nảy sinh ý định vào trong nhà bà T lấy trộm tiền để tiêu xài cá nhân. Sau đó, L mở cửa đi vào trong phòng khách thì thấy ngăn kéo bên phải tủ kệ ti vi bị khóa, L liền đi vào buồng ngủ lục tìm thì thấy dưới đệm giường ngủ có 01 (một) chùm chìa khóa gồm 02 (hai) chìa khóa. L mang chùm chìa khóa vừa lấy được ra mở ngăn tủ ở ngoài phòng khách thì thấy bên trong ngăn tủ có 01 (một) túi xách bằng da, bên trong túi xách có một chiếc ví bằng vải nhung màu nâu, L mở ví thì thấy 05 (năm) tập tiền (mệnh giá 500.000^d), L lấy toàn bộ số tiền trong ví cất giấu vào túi áo khoác đang mặc trên người, sau đó khóa cửa tủ, cất chìa khóa vào vị trí cũ và đi về. Về đến nhà L kiểm đếm số tiền trộm cắp của bà T được 48.000.000^d (Bốn mươi tám triệu đồng), L cất giấu toàn bộ số tiền ở dưới đệm trong phòng ngủ của mình. Đến ngày 09/4/2021 L mang 30.000.000^d (Ba mươi triệu đồng), trong số tiền đã trộm cắp được đến trả cho ông Mai Tất B (Do L có vay tiền ông B từ trước đó). Còn lại số tiền 18.000.000^d (Mười tám triệu đồng), L đã tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi phát hiện gia đình bị mất trộm tài sản, ngày 03/5/2021 bà Trần Thị T đã làm đơn trình báo Công an huyện Đ đề nghị giải quyết.

Vật chứng của vụ án là số tiền 48.000.000^d (Bốn mươi tám triệu đồng) không thu giữ được.

Quá trình điều tra, Ninh Thị L đã trả lại cho bà Trần Thị T 48.000.000^d (Bốn mươi tám triệu đồng) mà bị cáo đã trộm cắp ngày 04/4/2021 và tự nguyện bồi thường cho bà Trần Thị T số tiền 20.000.000^d (Hai mươi triệu đồng).

Tại phiên tòa ngày hôm nay Ninh Thị L đã khai nhận, vì hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên bị cáo đã trộm cắp số tiền 48.000.000^d (Bốn mươi tám triệu đồng) ngày 04/4/2021 tại nhà bà Trần Thị T. Cũng tại phiên tòa, Bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm bất cứ khoản tiền nào, đồng thời xin giảm nhẹ hình

phạt cho bị cáo.

Bản Cáo trạng số 47/CT-VKSDH, ngày 23/8/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Ninh Thị L về tội "Trộm cắp tài sản", theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như đã truy tố trong Cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Ninh Thị L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i và s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Ninh Thị L từ 12 đến 18 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 24 đến 36 tháng. Đề nghị giao bị cáo cho địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Phản tranh luận: Bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh, điều luật truy tố: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở để khẳng định:

Do có khó khăn về kinh tế, sáng ngày 04/4/2021, Ninh Thị L đi bộ đến nhà bà Trần Thị T để chơi. Khi đến nơi thấy cửa nhà bà T không khóa, không có ai ở nhà nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của gia đình bà Trần Thị T. Quan sát không thấy ai nên bị cáo đã mở cửa (không khóa) đi thẳng vào trong phòng khách, quan sát thấy ngăn kéo bên phải tủ kệ ti vi bị khóa. Bị cáo nghĩ trong tủ bị khóa có tiền, vì ngày 19/3/2021 L đưa bà T đi rút tiền tại thị trấn Chợ Chu, huyện Đ. Bị cáo đã đi vào buồng ngủ của bà T, lật đệm giường ngủ thấy 01 (một) chùm chìa khóa gồm 02 (hai) chìa. Bị cáo L mang chùm chìa khóa vừa lấy được ra mở ngăn tủ ở ngoài phòng khách thì thấy bên trong ngăn tủ có 01 (một) túi xách bằng da, bên trong túi xách có một chiếc ví bằng vải nhung màu nâu, bị cáo mở ví thì thấy 05 (năm) tập tiền (mệnh giá 500.000^d), bị cáo lấy toàn bộ số tiền cất giấu vào túi áo khoác đang mặc trên người, sau đó khóa cửa tủ, cất chìa khóa vào vị trí cũ và đi về. Về đến nhà bị cáo kiểm đếm số tiền đã lấy được là 48.000.000^d (Bốn mươi tám triệu đồng), sau đó bị cáo cất giấu toàn bộ số tiền ở dưới đệm trong phòng ngủ của mình. Đến ngày 09/4/2021 bị cáo lấy 30.000.000^d (Ba mươi triệu đồng) mang trả cho ông Mai Tất B (Do bị cáo đã vay tiền ông B từ trước đó). Còn lại số tiền 18.000.000^d (Mười tám triệu đồng), L đã tiêu xài cá nhân và chi phí sinh hoạt gia đình hết.

Quá trình điều tra bị cáo đã trả lại toàn bộ số tiền 48.000.000^d (Bốn mươi tám triệu đồng) cho bị hại. Đồng thời đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 20.000.000^d (Hai mươi triệu đồng) để bù đắp về thời gian bị hại, người thân của bị hại tìm kiếm và không đi làm được.

Như vậy cho thấy, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu khi ra khỏi nhà đã không khóa cửa, bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của chủ sở hữu, sau khi quan sát không thấy có ai biết bị cáo đến nhà bị hại. Do vậy, bị cáo đã thực hiện hành vi nén lút chiếm đoạt tiền của bị hại là 48.000.000^d (Bốn mươi tám triệu đồng).

Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Điều luật có nội dung:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”

Bản Cáo trạng số: 47/CT-VKSĐH, ngày 23/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Ninh Thị L về tội “trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng thực hiện với lỗi cố ý. Do đó, hành vi bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của người khác, đi ngược lại công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm của toàn xã hội, đã xâm phạm đến các điều cấm được Bộ luật hình sự bảo vệ. Hành vi bị cáo đã thực hiện phải được xử lý bằng pháp luật hình sự.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo “*thành khẩn khai báo và ăn năn, hối cải*”; Bị cáo “*tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại*” và lần phạm tội này là “*phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*”. Do đó, bị cáo được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, tại phiên tòa bị hại đã đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, bị cáo được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[5] Về hình phạt áp dụng đối với bị cáo: Căn cứ vào nhân thân, tính chất của vụ án và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, thấy rằng bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng. Nên không nhất thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội vẫn bảo đảm tính giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Cần ghi nhận bị cáo đã tự nguyện trả cho bị hại số tiền 48.000.000^d (Bốn mươi tám triệu đồng) và tự nguyện bồi thường số tiền 20.000.000^d (Hai mươi triệu đồng) cho bị hại, là tiền công không lao động được trong thời gian tìm kiếm số tiền đã bị mất của bị hại và người thân thích của bị hại.

Bà Trần Thị T là bị hại đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Xét đề nghị của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa. Về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt đối với bị cáo, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo là phù hợp, đúng pháp luật và cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Ninh Thị L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Ninh Thị L 12 (Mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Ninh Thị L cho Ủy ban nhân dân xã BN, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Ninh Thị L thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị cáo đã trả số tiền 48.000.000^d (Bốn mươi tám triệu đồng) và bồi thường số tiền 20.000.000^d (Hai mươi triệu đồng) cho bị hại.

3. Án phí và quyền kháng cáo:

Áp dụng các Điều 135; 136; 331; 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Ninh Thị L phải chịu 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm. Có mặt bị cáo, bị hại báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Định Hóa;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Định Hóa;
- Công an huyện Định Hóa;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Văn Giang